

Sơn La, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Công bố công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2024
của Trung tâm Lưu trữ lịch sử

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LƯU TRỮ LỊCH SỬ

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ lịch sử trực thuộc Sở Nội vụ;

Căn cứ kết quả thẩm định xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024, tại Thông báo số 12/TB-STC ngày 12/3/2025 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sơn La thông báo thẩm định quyết toán ngân sách năm 2024 của Sở Nội vụ;

Theo đề nghị của viên chức chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2024 của Trung tâm Lưu trữ Lịch sử (có biểu phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể viên chức Trung tâm và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ; (b/c)
- Sở Tài chính; (b/c)
- Lưu: VT, V (05b).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Khổng Thị Hữu

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 60/QĐ-TTTLTS ngày 02/4/2025 của Trung tâm Lưu trữ Lịch sử)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	17.5	17.5		
1	Lệ phí				
2	Phí	17.5	17.5		
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	17.5	17.5		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	7.8	7.8		
1	Chi sự nghiệp	7.8	7.8		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.8	7.8		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.75	1.75		
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí	1.75	1.75		
	Phí chứng thực tài liệu lưu trữ	1.75	1.75		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1,964,588.1	1,964,588.1		
I	Nguồn ngân sách trong nước	1,964,588.1	1,964,588.1		
1	Chi quản lý hành chính	1,964,588.1	1,964,588.1		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1,156,720.0	1,156,720.0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	807,868.1	807,868.1		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	-
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-	-
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-	-
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	-
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	-
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-	-	-